PHỤ LỤC 13
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA NGÀNH THANH TRA ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang)

- TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết: Tổng số: 28 TTHC, trong đó: Cấp tỉnh 22 TTHC; cấp xã 04 TTHC; TTHC dùng chung (cấp tỉnh, cấp xã): 02 TTHC

+ TTHC liên quan đến cá nhân, tổ chức: Tổng số 12 TTHC, trong đó: Cấp tỉnh: 06 TTHC; Cấp xã: 04 TTHC; TTHC dùng chung: 02 TTHC.

+ TTHC nội bộ: Tổng số 16 TTHC, trong đó: Cấp tỉnh 16 TTHC.

+ TTHC do địa phương quy định: Tổng số 0 TTHC.

- Cung cấp DVCTT trên Cổng dịch vụ công quốc gia: Toàn trình: 0 DVC; Một phần: 0 DVC.

- Số TTHC có phí, lệ phí: 0 TTHC. - TTHC liên thông: 0 TTHC

- Thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh: 04 TTHC.

*** TTHC DO TRUNG ƯƠNG QUY ĐỊNH**

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia			Hệ thống thực hiện		TTHC liên thông	TTHC có phí, lệ phí	Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	Quyết định công bố TTHC của Bộ, ngành
			toàn trình	một phần	chưa cung cấp DVCTT	HTTTGQ TTHC Bộ, ngành	HTTTGQ TTHC tỉnh				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
*****	**TTHC liên quan đến cá nhân, tổ chức**										
A	**TTHC CẤP TỈNH**										
I	**Lĩnh vực: Giải quyết khiếu nại**										

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia			Hệ thống thực hiện		TTHC liên thông	TTHC có phí, lệ phí	Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	Quyết định công bố TTHC của Bộ, ngành
			toàn trình	một phần	chưa cung cấp DVCTT	HTTTGQ TTHC Bộ, ngành	HTTTGQ TTHC tỉnh				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
1	2.002407	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh			x						424/QĐ-TTCP ngày 29/7/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ.
2	2.002411	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh			x						424/QĐ-TTCP ngày 29/7/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ.
II	**Lĩnh vực: Giải quyết tố cáo**										
3	2.002394	Giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh			x						700/QĐ-TTCP ngày 09/10/2019 của Tổng Thanh tra Chính phủ.
III	**Lĩnh vực: Tiếp công dân**										
4	1.010943	Tiếp công dân tại cấp tỉnh			x						193/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ.
IV	**Lĩnh vực: Xử lý đơn thư**										
5	2.002499	Xử lý đơn tại cấp tỉnh			x						194/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia			Hệ thống thực hiện		TTHC liên thông	TTHC có phí, lệ phí	Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	Quyết định công bố TTHC của Bộ, ngành
			toàn trình	một phần	chưa cung cấp DVCTT	HTTTGQ TTHC Bộ, ngành	HTTTGQ TTHC tỉnh				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
											Tổng Thanh tra Chính phủ.
V	**Lĩnh vực: Phòng, chống tham nhũng**										
6	2.002401	Xác minh tài sản, thu nhập			x						70/QĐ-TTCP ngày 08/3/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ.
B	**TTHC CẤP XÃ**										
I	**Lĩnh vực: Giải quyết khiếu nại**										
7	2.002409	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã			x					x	424/QĐ-TTCP ngày 29/7/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ.
II	**Lĩnh vực: Giải quyết tố cáo**										
8	2.002396	Giải quyết tố cáo tại cấp xã			x					x	700/QĐ-TTCP ngày 09/10/2019 của Tổng Thanh tra Chính phủ.
III	**Lĩnh vực: Tiếp công dân**										
9	1.010945	Tiếp công dân tại cấp xã			x					x	193/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia			Hệ thống thực hiện		TTHC liên thông	TTHC có phí, lệ phí	Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	Quyết định công bố TTHC của Bộ, ngành
			toàn trình	một phần	chưa cung cấp DVCTT	HTTTGQ TTHC Bộ, ngành	HTTTGQ TTHC tỉnh				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
											Tổng Thanh tra Chính phủ.
IV	**Lĩnh vực: Xử lý đơn thư**										
10	2.002501	Xử lý đơn tại cấp xã			x					x	194/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ.
C	**TTHC CẤP TỈNH, CẤP XÃ**										
I	**Lĩnh vực: Phòng, chống tham nhũng**										
11	2.002400	Kê khai tài sản, thu nhập			x						70/QĐ-TTCP ngày 08/3/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ.
12	2.002403	Thực hiện việc giải trình			x						807/QĐ-TTCP ngày 26/8/2026 của Tổng Thanh tra Chính phủ.
*	**TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước**										
A	**TTHC CẤP TỈNH**										

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia			Hệ thống thực hiện		TTHC liên thông	TTHC có phí, lệ phí	Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	Quyết định công bố TTHC của Bộ, ngành
			toàn trình	một phần	chưa cung cấp DVCTT	HTTTGQ TTHC Bộ, ngành	HTTTGQ TTHC tỉnh				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
I	**Lĩnh vực: Phòng, chống tham nhũng**										
1		Xây dựng, phê duyệt kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm			x						- Quyết định số 457/QĐ TTCP ngày 11/9/2023 của Thanh tra Chính phủ
2		Tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích; tạm thời chuyển người có xung đột lợi ích sang vị trí công tác khác			x						- Quyết định số 457/QĐ TTCP ngày 11/9/2023 của Thanh tra Chính phủ
3		Đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích			x						- Quyết định số 457/QĐ TTCP ngày 11/9/2023 của Thanh tra Chính phủ.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia			Hệ thống thực hiện		TTHC liên thông	TTHC có phí, lệ phí	Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	Quyết định công bố TTHC của Bộ, ngành
			toàn trình	một phần	chưa cung cấp DVCTT	HTTTGQ TTHC Bộ, ngành	HTTTGQ TTHC tỉnh				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
4		Ra quyết định tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác đối với người có chức vụ, quyền hạn liên quan đến tham nhũng			x						- Quyết định số 457/QĐ TTCP ngày 11/9/2023 của Thanh tra Chính phủ.
5		Hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác liên quan đến tham nhũng			x						- Quyết định số 457/QĐ TTCP ngày 11/9/2023 của Thanh tra Chính phủ.
6		Xử lý quà tặng			x						- Quyết định số 457/QĐ TTCP ngày 11/9/2023 của Thanh tra Chính phủ.
7		Xử lý thông tin, báo cáo về xung đột lợi ích			x						- Quyết định số 457/QĐ TTCP ngày 11/9/2023 của

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia			Hệ thống thực hiện		TTHC liên thông	TTHC có phí, lệ phí	Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	Quyết định công bố TTHC của Bộ, ngành
			toàn trình	một phần	chưa cung cấp DVCTT	HTTTGQ TTHC Bộ, ngành	HTTTGQ TTHC tỉnh				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
											Thanh tra Chính phủ.
8		Ban hành Kế hoạch đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng			x						- Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; - Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ.
9		Báo cáo, nộp lại quà tặng			x						- Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; - Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ.
10		Quyết định áp dụng biện pháp giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của			x						- Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; - Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia			Hệ thống thực hiện		TTHC liên thông	TTHC có phí, lệ phí	Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	Quyết định công bố TTHC của Bộ, ngành
			toàn trình	một phần	chưa cung cấp DVCTT	HTTTGQ TTHC Bộ, ngành	HTTTGQ TTHC tỉnh				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
		người có xung đột lợi ích									
11		Cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập			x						- Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.
12		Ban hành Kết luận xác minh tài sản, thu nhập theo Quyết định xác minh tài sản, thu nhập của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; công khai Kết luận xác minh			x						- Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.
13		Tiếp nhận yêu cầu giải trình			x						- Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia			Hệ thống thực hiện		TTHC liên thông	TTHC có phí, lệ phí	Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	Quyết định công bố TTHC của Bộ, ngành
			toàn trình	một phần	chưa cung cấp DVCTT	HTTTGQ TTHC Bộ, ngành	HTTTGQ TTHC tỉnh				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
											- Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính Phủ.
14		Thực hiện việc giải trình			x						- Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; - Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính Phủ.
II	**Lĩnh vực: Văn phòng**										
14		Cấp mới, cấp đổi Thẻ thanh tra			x						- Quyết định số 388/QĐ TTCP ngày 16/7/2024 của

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia			Hệ thống thực hiện		TTHC liên thông	TTHC có phí, lệ phí	Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	Quyết định công bố TTHC của Bộ, ngành
			toàn trình	một phần	chưa cung cấp DVCTT	HTTTGQ TTHC Bộ, ngành	HTTTGQ TTHC tỉnh				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
											Thanh tra Chính phủ.
16		Cấp lại Thẻ thanh tra			x						- Quyết định số 388/QĐ TTCP ngày 16/7/2024 của Thanh tra Chính phủ.